TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 27/04/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Ngày 27 tháng 04 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Thị S, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp Thạnh M, xã B, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

Bị đơn: anh Đỗ Thành S, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp Thạnh M, xã B, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/01/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị S trình bày:

Chị và anh Đỗ Thành S làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống và không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng cũng đã

chính thức ly thân, trong suốt quá trình ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Thị Như N, sinh ngày: 25/04/2014, hiện tại chị S đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu

Về nợ chung: Không có.

Nay chị Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Thành S; Về con chung: chị Thị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Đỗ Thị Như N, sinh ngày: 25/04/2014 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), yêu cầu anh Đỗ Thành S phải cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Thị S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Đỗ Thành S đã được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị S và anh Đỗ Thành S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không thật sự tin yêu nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình và chính thức ly thân, trong suốt quá trình ly thân anh chị cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án anh S biết chị S xin ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Thị Như N, sinh ngày: 25/04/2014, chị S yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh S không tranh chấp nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N được chị S nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo, đồng thời bản thân cháu N đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị S. Vì vậy xét về điều kiện mọi mặt nhằm bảo đảm quyền lợi và cũng cần thiết ổn định môi trường sống cho cháu N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đối với việc chị S yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật là phù

hợp, nên Hội đồng xét xử áp dụng 1/2 mức lương cơ bản do Nhà nước quy định là 745.000 đồng, để buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi), theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh S, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không đề cập giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Thị S và anh Đỗ Thành S được ly hôn.

Về con chung: chị Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Đỗ Thị Như N, sinh ngày: 25/04/2014, đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh Đỗ Thành S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/04/2022. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh S không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không đề cập giải quyết

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị S phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007799 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Thành S phải nộp 300.000 đồng

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng